

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HÀ
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2023/HS-ST

Ngày: 29/9/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HÀ, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Đoàn Minh Chiến**

Các Hội thẩm nhân dân: - **Ông Nguyễn Văn Bình**

- **Ông Phạm Văn Kha**

- Thư ký phiên tòa: ông **Nguyễn Trung Hiếu**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: ông **Lương Hồng Hà** bà **Nguyễn Thị Phụng**, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 19/2023/HSST ngày 14/9/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2023/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 9 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Thân Thế N** (Không có tên gọi khác); sinh ngày 01/01/1980 tại huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh;

Nơi cư trú: khu G, thị trấn Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thân Thế K và bà Mạc Thị D; có vợ là Nguyễn Thị H và 02 con: không có; tiền án, tiền sự: không có;

Nhân thân: ngày 22/8/2002 bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 09 tháng tù giam về tội “Cố ý gây thương tích”; ngày 03/3/2011 bị Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xử phạt 11 năm tù về tội “Sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán hàng cấm”, được đặc xá ngày 02/9/2015.

Bị cáo bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp ngày 06/6/2023, hiện tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hải Hà. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Trần Tất D** (Không có tên gọi khác); sinh ngày 02/7/1982 tại thị xã P, tỉnh P;

Nơi cư trú: khu N, thị trấn P, huyện P, tỉnh P; nghề nghiệp: giám đốc công ty TNHH; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn G và bà Trần Thị T; có vợ là Nguyễn Thị Hồng T và 02 con; tiền án: ngày 16/5/2019, bị Tòa án nhân dân

huyện P, tỉnh P xử phạt tiền 50.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”; tiền sự: ngày 16/6/2017 bị Công an huyện P, tỉnh P xử phạt hành chính về hành vi “có cử chỉ, lời nói thô bạo xúc phạm danh dự, nhân phẩm người khác”.

Bị cáo bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp ngày 06/6/2023, hiện tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hải Hà. Có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Nguyễn Văn M** (Không có tên gọi khác); sinh ngày 08/8/1986 tại huyện H, tỉnh Quảng Ninh;

Nơi cư trú: thôn 3, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lái xe; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị X; có vợ là Ban Thị B; tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp ngày 06/6/2023, hiện tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hải Hà. Có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: **Bùi Hồng T** (Không có tên gọi khác); sinh ngày 12/7/1980 tại huyện K, tỉnh H;

Nơi cư trú: tổ 4, khu H, phường N, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lái xe; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Hồng T (đã chết) và bà Nguyễn Thị L; có vợ là Tạ Thu H và 02 con; tiền án, tiền sự: không có;

Bị cáo bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp ngày 06/6/2023, hiện tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hải Hà. Có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: **Trần Thị L** (Không có tên gọi khác); sinh ngày 22/6/1995, tại huyện Q, tỉnh Thái Bình;

Nơi cư trú: thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con bà Trần Thị L (không xác định được bố đẻ của bị cáo); có chồng là Lê Văn H (đã ly hôn) và 01 con; tiền án, tiền sự: không có;

Bị cáo bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp ngày 06/6/2023, hiện tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hải Hà. Có mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên: **Bùi Văn T1** (Không có tên gọi khác); sinh ngày 20/01/1992, tại huyện H, tỉnh Quảng Ninh;

Nơi cư trú: thôn 1, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn K và bà Vũ Thị P; có vợ là Nguyễn Thị Như Q và 02 con; tiền án, tiền sự: không có; nhân thân: ngày 12/8/2020, bị Tòa án nhân dân huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh xử phạt tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), đã chấp hành xong ngày 11/5/2021.

Bị cáo bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp ngày 06/6/2023, hiện tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hải Hà. Có mặt tại phiên tòa.

7. Họ và tên: **Đinh Khắc H** (Không có tên gọi khác); sinh ngày 01/12/1995 tại huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng;

Nơi cư trú: thôn 1, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không;

quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Khắc G (đã chết) và bà Nguyễn Thị X; có vợ là Lương Thị A và 02 con; tiền án: ngày 28/9/2020 bị Tòa án nhân dân huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”; tiền sự: không có.

Bị cáo bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp ngày 06/6/2023, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hải Hà. Có mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng:

- Chị Phạm Thị T, sinh năm 1993, nơi cư trú: thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt tại phiên tòa;

- Chị Lò Thị Q, sinh năm 1998, nơi cư trú: xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt tại phiên tòa.

- Chị Lò Thị Đ, sinh năm 2009, nơi cư trú: xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt tại phiên tòa; Người đại diện hợp pháp của chị Lò Thị Đ là bà Nguyễn Thị Lê H, sinh năm 1970 – Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ thị trấn Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt tại phiên tòa.

Người chứng kiến:

- Ông Phạm Kiều H, sinh năm 1977; nơi cư trú: khu Đ, thị trấn Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt tại phiên tòa.

- Ông Mạc Mạnh C, sinh năm 1977; nơi cư trú: khu G, thị trấn Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 01 giờ 30 phút, ngày 06/6/2023, tổ công tác Công an huyện Hải Hà phối hợp với Công an thị trấn Q trong khi làm nhiệm vụ tại khu vực G, thị trấn Q, huyện H, phát hiện bên trong căn nhà có treo biển “Công ty TNHH XD HUY LINH” phát ra tiếng nhạc công suất lớn, tổ công tác đã tiến hành kiểm tra. Tại thời điểm kiểm tra hành chính trong nhà có 10 người gồm Thân Thế N, Trần Tất D, Nguyễn Văn M, Bùi Hồng T, Trần Thị L, Bùi Văn T1, Đinh Khắc H, Phạm Thị T, Lò Thị Q, Lò Thị Đ có biểu hiện sử dụng trái phép chất ma túy. Quá trình kiểm tra, cơ quan công an phát hiện:

- 01 đĩa sứ màu trắng, hình tròn đường kính khoảng 18cm bị ướt;
- 01 túi nilon kích thước khoảng (2,5x2,6)cm một đầu có khóa kẹp màu đỏ, bên trong có bám chất bột màu trắng (ký hiệu M1);
- 01 thẻ nhựa màu hồng, kích thước khoảng (8,5x5,4)cm, một mặt có chữ “MB VISA” bị ướt;
- 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng, được quấn, gấp nếp trụ tròn, bị ướt;
- 01 mảnh tinh thể màu trắng, không rõ hình dạng, kích thước khoảng (0,7x0,7)cm, thu giữ trong túi quần bên phải phía trước đang mặc của Nguyễn Văn M (ký hiệu M2);
- 02 (hai) đầu thu camera màu trắng, nhãn hiệu IMOU, đã qua sử dụng; 05 chiếc ly bằng thủy tinh; 01 chiếc kéo bằng kim loại; 01 con dao bằng kim loại cán gỗ màu vàng; 02 chén bằng sứ; 01 chiếc loa nhãn hiệu Samsung;

Đồng thời cơ quan công an tiến hành lấy mẫu nước tiểu của Thân Thế N,

Trần Tất D, Nguyễn Văn M, Bùi Hồng T, Trần Thị L, Bùi Văn T1, Đinh Khắc H, Phạm Thị T, Lò Thị Q, Lò Thị Đ.

Tại bản Kết luận giám định số 746/KL-KTHS, ngày 12/6/2023 và 748/KL-KTHS, ngày 13/6/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh kết luận:

- Mẫu vật ký hiệu M1, M2 gửi giám định là ma túy, loại Ketamine, khối lượng như sau: M1 không xác định được, M2 khối lượng là 0,11gam;
- Tìm thấy chất ma túy Ketamine trên 01 đĩa sứ màu trắng, 01 thẻ nhựa màu hồng một mặt có chữ MB VISA, 01 tờ tiền Việt Nam loại 10.000 đồng, mã số hiệu IU 18748169; khối lượng: dạng vệt không xác định được;
- Tìm thấy chất ma túy MDMA và Ketamine trong mẫu nước tiểu của Thân Thế N, Trần Tất D, Nguyễn Văn M, Đinh Khắc H, Bùi Văn T1, Trần Thị L, Phạm Thị T, Lò Thị Q;
- Tìm thấy chất Dehyronorketamine là sản phẩm chuyển hóa của chất ma túy Ketamine trong mẫu nước tiểu của Bùi Hồng Thành;
- Tìm thấy chất ma túy Methamphetamine trong mẫu nước tiểu của Đinh Khắc H, Bùi Văn T1 và Trần Thị Lan;
- Tìm thấy chất ma túy Ketamine trong mẫu nước tiểu của Lò Thị Đ;

Trong quá trình điều tra, sau khi trích xuất dữ liệu ghi hình tại thẻ nhớ trong 01 đầu thu camera thu giữ, các bị cáo Thân Thế N, Trần Tất D, Nguyễn Văn M, Bùi Hồng T, Trần Thị L, Bùi Văn T1 và Đinh Khắc Hà có nội dung lời khai thể hiện:

Khoảng 15 giờ 20 phút ngày 05/6/2023, Thân Thế N cùng Nguyễn Văn M, Bùi Hồng T, Trần Thị L, Trần Tất D sau khi ăn uống, cả nhóm về nhà D thuê để làm văn phòng công ty thuộc khu G, thị trấn Q, huyện H ngồi chơi. Tại đây Mão vỗ vào người Nghĩa hỏi có gì nghe nhạc không, Nghĩa hiểu là có ma túy không nhưng không trả lời. Sẵn có ma túy cất giấu trong người từ trước nên Nghĩa lấy ra để mọi người cùng sử dụng, đồng thời gọi thêm Bùi Văn Trọng đến. Nghĩa bảo D lấy cho Nghĩa 01 con dao, sau đó N cùng M dùng dao chia 1,5 viên thuốc lắc thành 04 phần nhỏ, M chuẩn bị 02 cốc nước lọc để sử dụng thuốc lắc, rồi N, M, T, D cùng sử dụng. Đối với phần thuốc lắc vụn trong túi thì N đưa cho T, T đã tự rót nước và đưa cho L sử dụng. Một lúc sau Trọng đến, N lấy mảnh Ketamine gói trong giấy ăn ra đưa cho M nghiền nhỏ cho mọi người sử dụng. M vào nhà bếp lấy ra 01 chiếc đĩa sứ màu trắng, rồi hỏi D và được D chỉ cho vị trí lấy 01 thẻ nhựa màu hồng để nghiền ma túy. Thấy M nghiền Ketamine, Trọng và Thành do muốn được sử dụng nên đã cuốn ống hút từ tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng để làm dụng cụ sử dụng rồi đưa cho Mão. Mão chia Ketamine thành nhiều đường nhỏ ở trên đĩa rồi sử dụng trước, sau đó mời lần lượt Nghĩa, Thành, Dậu, Trọng, L sử dụng thì tất cả đều sử dụng. N tiếp tục lấy ra 02 túi nilon Ketamine, đưa cho M 01 túi và đưa cho T1 01 túi. Khoảng 10 phút sau, M tiếp tục cầm đĩa mời D rồi đưa đĩa cho T nhờ kẻ Ketamine hộ, sau đó T đưa lại cho M. M cầm ống hút tự sử dụng, tiếp đó T cũng tự sử dụng. Cả nhóm tiếp tục ngồi nghe nhạc, trong thời

gian này T đưa cho L sử dụng 02 lần, M đưa cho T1, N, T mỗi người sử dụng 01 lần.

Đến khoảng 17 giờ 25 phút, T1 và N đi về, chỉ còn lại T, L, D, M cùng nhau ngồi nghe nhạc. Do Ketamine trên đĩa đã hết nên M lấy ra 01 túi Ketamine do Nghĩa đưa từ trước rồi nghiền ra cho mọi người sử dụng. T tiếp tục đưa cho L để L sử dụng còn M lần lượt đưa cho T, D và 01 người đàn ông tên Tuấn (không xác định được lai lịch, địa chỉ) sử dụng. Về phần N, sau khi về nhà, Nghĩa lấy 06 viên ma túy tổng hợp đã cất giấu từ trước đến nhà D để chia cho mọi người cùng sử dụng, còn T1 trên đường đi chợ đã làm rơi túi nilon Ketamine mà N đưa cho T1 (cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không được).

Khi N quay lại nhà D, lúc này có thêm Phạm Thị T do Mão rủ đến. Cả nhóm gồm D, N, M, T, L, T cùng nhau ăn uống đến khoảng hơn 22 giờ thì M gọi cho Bé Văn Tư yêu cầu 02 nhân viên rót bia đến, sau đó M cùng D đi đón Lò Thị Đ (sinh ngày 03/02/2009) cùng Lò Thị Q đến. Tại đây N lấy ra 06 viên thuốc lắc đưa cho T uống 01 viên và bảo D lấy kéo để chia, D đã lấy 01 chiếc kéo đưa cho N, sau đó N dùng kéo cắt đôi 01 viên rồi cho D và N uống. Tiếp đó N cắt đôi 01 viên đưa nửa cho M, nửa cho Q nhưng Q từ chối nên N lấy nửa viên này đưa cho T uống. Sau đó N tiếp tục cắt 01 viên ra, chia một nửa cho L uống, còn lại nửa viên N pha với nước lọc và chia ra 02 chén nhỏ, một chén đưa cho Q, một chén đưa cho Đ nhưng Đ không uống nên Q đã uống hết cả hai chén này. Sau khi sử dụng ma túy tổng hợp xong, M cầm đĩa nghiền một lượt Ketamine mới và lần lượt mời T, L, Q nhưng chỉ có T sử dụng, M cũng tự mình sử dụng.

Khoảng hơn 23 giờ ngày 05/6/2023, N gọi Trọng đến nhà D để sử dụng ma túy. Khi T1 đến, N đưa cho T1 01 viên ma túy tổng hợp, T1 nhận và sử dụng hết (còn lại 01 viên ma túy tổng hợp N đã làm rơi mất, không biết ở đâu). Được một lúc thì T1 tự kẻ một đường Ketamine và tự sử dụng rồi ngồi nghe nhạc. Lúc này, Đinh Khắc Hà (do M bảo T1 gọi đến nhà D chơi), Hà đến thì M kẻ Ketamine mời Hà sử dụng. Sau khi sử dụng ma túy, Hà cũng cầm đĩa Ketamine mời T sử dụng và T hít 01 đường. Mão tiếp tục cầm đĩa mời mọi người nhiều lần. Sau đó L nhờ T kẻ Ketamine trên đĩa rồi Thành đưa lại cho L. L đã cầm đĩa Ketamine này lần lượt đưa cho D, Đ, N, T1, M, T và những người này đều sử dụng, L là người cuối cùng sử dụng Ketamine trên đĩa. Sau khi sử dụng xong, cả nhóm ngồi nghe nhạc đến khoảng 01 giờ 35 phút thì lực lượng Công an huyện Hải Hà kiểm tra.

Quá trình điều tra N khai nhận: Toàn bộ số ma túy mà các đối tượng sử dụng là của N, do N mua của 01 người đàn ông không quen biết tại huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương vào ngày 04/6/2023.

Trong quá trình điều tra, những người làm chứng gồm chị Phạm Thị T, chị Lò Thị Q, chị Lò Thị Đ đều có nội dung lời khai thể hiện được các bị cáo tổ chức sử dụng ma túy như nội dung lời khai của các bị cáo; những người chứng kiến ông Phạm Kiều Hưng, ông Mạc Mạnh Cường đều có nội dung lời khai thể hiện việc chứng kiến lực lượng công an kiểm tra hành chính, phát hiện các đối tượng có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy tại Văn phòng công ty TNHH XD HUY LINH.

Ngoài số vật chứng liên quan đến việc sử dụng ma túy, cơ quan điều tra

còn thu giữ 10 chiếc điện thoại di động và tổng số tiền 13.130.000 đồng của các bị cáo.

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra không xác minh được đối tượng đã bán ma túy cho bị cáo Thân Thế N, đối tượng tên Tuấn cùng sử dụng ma túy với các bị cáo. Quá trình điều tra xác định Bế Văn Tư không biết việc M gọi 02 nhân viên của Tư là chị Lò Thị Q và chị Lò Thị Đ đến để sử dụng ma túy

Bản cáo trạng số 20/CT-VKSHH, ngày 12/9/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hà truy tố các bị cáo Thân Thế N, Trần Tất D, Nguyễn Văn M, Bùi Hồng T, Trần Thị L, Bùi Văn T1 về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Đinh Khắc Hà về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật hình sự

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố đã giữ nguyên quyết định truy tố và luận tội đối với các bị cáo; sau khi phân tích nội dung vụ án, tính nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đã đề nghị với Hội đồng xét xử:

- *Áp dụng điểm b,c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Thân Thế N từ 07 năm 6 tháng đến 8 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/6/2023, về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.*

- *Áp dụng điểm b,c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M từ 07 năm đến 07 năm 6 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/6/2023, về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.*

- *Áp dụng điểm b,c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Tất D từ 07 năm đến 07 năm 6 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/6/2023, về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.*

- *Áp dụng điểm b,c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 2 Điều 54, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Bùi Hồng T từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/6/2023, về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.*

- *Áp dụng điểm b,c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 54, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Thị L từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/6/2023, về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.*

- *Áp dụng điểm b,c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Văn T1 từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/6/2023, về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.*

- *Áp dụng khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đinh Khắc Hà từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/6/2023, về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.*

Về vật chứng:

Áp dụng điểm a,c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm a,b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 0,06 gam ma túy, 01 đĩa sứ màu trắng, vỏ bao gói hoàn lại sau giám định trong niêm phong số 746/KL-KTHS (số 01); 05 chiếc ly bằng thủy tinh; 01 chiếc kéo bằng kim loại có phần tay cầm bằng nhựa màu đỏ; 01 con dao bằng kim loại có cán gỗ màu vàng; 02 chiếc chén bằng sứ;

Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xám bên trong gắn sim 0981.819.891 của bị cáo N; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu xám bên trong gắn sim 0966.002.383 của bị cáo Mão; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iphone, màu xanh, bên trong gắn 01 sim có số thuê bao là 0983.266.102 của bị cáo Trọng; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iphone, màu vàng, bên trong gắn 01 sim có số thuê bao là 0969.437.708 của bị cáo Hà là điện thoại các bị cáo sử dụng để liên lạc thực hiện hành vi phạm tội; 01 tờ tiền Việt Nam loại 10.000 đồng mã số hiệu IU 18748169 hoàn lại sau giám định trong niêm phong số 746/KL-KTHS (số 02); 01 chiếc loa nhãn hiệu Samsung. Tịch thu tiêu hủy các sim trong các điện thoại trên.

Trả lại: số tiền 7.080.000 đồng cho bị cáo Thân Thế Nghĩa; 1.460.000 đồng cho bị cáo Nguyễn Văn Mão; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iPhone, màu vàng, bên trong gắn 01 sim có số thuê bao là 0981.577.567, 01 thẻ nhựa màu hồng, 02 đầu thu camera màu trắng, nhãn hiệu IMOU cho bị cáo Trần Tất Dậu; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iPhone, màu trắng, bên trong gắn 01 sim có số thuê bao là 0988.516.398, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iPhone, màu trắng, bên trong gắn 01 sim có số thuê bao là 0359.237.399, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iPhone, màu xanh, bên trong gắn 01 sim có số thuê bao là 0768.308.647 cho bị cáo Bùi Hồng Thành; Số tiền 2.340.000 đồng cho bị cáo Bùi Văn Trọng; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iphone, màu vàng, bên trong gắn 01 sim có số thuê bao là 0966.561.386 và số tiền 2.250.000 đồng cho bị cáo Đinh Khắc Hà; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iphone, màu đen, bên trong gắn 01 sim có số thuê bao là 0385.235.147 cho bị cáo Trần Thị L.

Các bị cáo không tranh luận với lời luận tội của Đại diện Viện kiểm sát và nói lời nói sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện Hải H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ vào lời khai nhận tội của các bị cáo Thân Thế N, Trần Tất D,

Nguyễn Văn M, Bùi Hồng T, Trần Thị L, Bùi Văn T1, Đinh Khắc Hà tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với nội dung video ghi hình trích xuất từ camera thu giữ, căn cứ vào Biên bản kiểm tra hành chính ngày 08/5/2022, Kết luận giám định, nội dung lời khai người làm chứng, người chứng kiến cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Từ chiều ngày 05/6/2023 cho đến rạng sáng ngày 06/6/2023, tại văn phòng “Công ty TNHH XD HUY LINH”, khu G, thị trấn Q, huyện H, Thân Thế N, Trần Tất D, Nguyễn Văn M, Bùi Hồng T, Trần Thị L, Bùi Văn T1 đã có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cho nhau, đồng thời tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cho Đinh Khắc H, Phạm Thị T, Lò Thị Quyền, Lò Thị Đ (sinh ngày 03/02/2009); Đinh Khắc Hà đã có hành vi mời Bùi Hồng T sử dụng trái phép chất ma túy.

[3] Các bị cáo Thân Thế N, Trần Tất D, Nguyễn Văn M, Bùi Hồng T, Trần Thị L, Bùi Văn T1, Đinh Khắc Hà có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, vi phạm các chính sách của Nhà nước về phòng chống ma túy. Hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cho nhiều người, trong đó có người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi là Lò Thị Đ của các bị cáo N, D, M, T, L, T1 đã cấu thành tội *“Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”* được quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự; hành vi mời T sử dụng ma túy của bị cáo Đinh Khắc Hà đã cấu thành tội *“Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”* được quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật hình sự. Quan điểm truy tố và luận tội của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hà đối với các bị cáo Thân Thế N, Trần Tất D, Nguyễn Văn M, Bùi Hồng T, Trần Thị L, Bùi Văn T1, Đinh Khắc Hà là có căn cứ pháp lý.

Điều 255 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

....

b) Đối với 02 người trở lên;

c) Đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi:”

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm chính sách độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước mà còn xâm phạm trật tự trị an xã hội, gây thiệt hại đến sức khỏe của chính những người sử dụng trái phép chất ma túy. Vì vậy, việc đưa các bị cáo ra xét xử công khai và áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là cần thiết, mới có tác dụng giáo dục các bị cáo và phục vụ công tác đấu tranh phòng chống loại tội phạm này đang gia tăng trong thời gian gần đây.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo Thân Thế N cung cấp ma túy để sử dụng, mời Bùi Văn T1 đến sử dụng ma túy, tự chia thuốc lắc để những người khác sử dụng có vai trò chính trong vụ án. Bị cáo Nguyễn Văn M có vai thứ hai, là người khởi xướng việc sử dụng ma túy đồng thời tích cực thực hiện các việc như chia thuốc lắc, nghiền Ketamine, rủ Phạm Thị T và cùng D đi đón Lò Thị Q, Lò Thị Đ là người từ đủ 13 đến dưới 18 tuổi, tích cực mời những người khác sử

dụng ma túy. Bị cáo Trần Tất D có vai trò thứ ba, là người cung cấp địa điểm, công cụ sử dụng ma túy, cùng M đi đón Lò Thị Q và Lò Thị Đ là người từ đủ 13 đến dưới 18 tuổi đến sử dụng ma túy. Bị cáo Bùi Hồng T cùng Bùi Văn T1 cuồn tờ tiền 10.000 đồng để mọi người sử dụng ma túy Ketamine, ngoài ra T còn kẻ Ketamine mời M và L sử dụng nên có vai trò thứ tư. Bùi Văn T1 cùng T cuồn tờ tiền 10.000 đồng và Trần Thị L có hành vi mời D, Đ, N, T1, M sử dụng Ketamine, nên T1 và L có vai trò ngang nhau, sau bị cáo T. Đinh Khắc Hà đến sau cùng chỉ có hành vi mời T sử dụng Ketamine nên có vai trò sau cùng và thực tế hành vi của Hà chỉ bị truy tố ở khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

[4] Về áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hình phạt bổ sung:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Thân Thế N, Nguyễn Văn M, Bùi Hồng T, Trần Thị L, Bùi Văn T1 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo Trần Tất D, Đinh Khắc Hà đã bị kết án nhưng chưa được xóa án tích, do đó hai bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Thân Thế N, Bùi Văn T1 có nhân thân xấu, đồng thời bị cáo Trần Tất D còn có tiền sự, do đó cần xem xét khi quyết định hình phạt.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo Thân Thế N, Trần Tất D, Nguyễn Văn M, Bùi Hồng T, Trần Thị L, Bùi Văn T1, Đinh Khắc H, quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải do đó các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Bị cáo Bùi Hồng T có bố đẻ là ông Bùi Hồng Tư được tặng Huân chương kháng chiến hạng Ba, Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng Ba; mẹ là bà Nguyễn Thị Liên được tặng nhiều bằng khen do đã có thành tích tốt trong các phong trào tại địa phương, do đó bị cáo T được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 255 Bộ luật hình sự, người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tổ chức sử dụng ma túy cho những người khác không vì mục đích lợi nhuận, do đó Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với 07 bị cáo.

[5] Sau khi xem xét, đánh giá tính chất của vụ án, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo. Tuy nhiên khi xem xét quyết định hình phạt cần phải căn cứ vào vai trò của từng bị cáo trong vụ án như đã phân tích, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo. Các bị cáo Thân Thế N, Trần Tất D, Nguyễn Văn M có vai trò chính trong việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, do đó cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, trong khung hình phạt đã truy tố đối với các bị cáo. Bị cáo Bùi Hồng T, Trần Thị L phạm tội lần đầu, có vai trò không đáng kể trong vụ án đồng phạm, do đó cần áp dụng khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo T, L, riêng bị cáo T được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo Bùi Văn T1 chỉ tham gia cùng T cuồn tờ tiền 10.000đ

thành ông hút để sử dụng ma túy Ketamine, vì vậy căn cứ quy định tại Điều 58 Bộ luật Hình sự để quyết định mức hình phạt ngang nhau đối với ba bị cáo, dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đã truy tố. Bị cáo Đinh Khắc Hà tham gia vào việc sử dụng ma túy sau cùng và chỉ có hành vi mời Bùi Hồng T sử dụng ma túy nên cần áp dụng mức hình phạt đầu khung đã truy tố.

[6] Về vật chứng, xử lý vật chứng:

Số ma túy hoàn lại sau giám định, 01 đĩa sứ màu trắng cùng vỏ bao được niêm phong trong phong bì số 746/KL-KTHS (số 01), đây là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội, vật cấm tàng trữ lưu hành, vật không có giá trị, do đó căn cứ vào điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự cần tịch thu tiêu hủy; 01 thẻ nhựa màu hồng một mặt có chữ MB VISA trong phong bì số 746/KL-KTHS, mặc dù sử dụng để đánh Ketamine, tuy nhiên đây là thẻ ngân hàng của bị cáo Trần Tất D, căn cứ điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, cần trả lại cho bị cáo;

01 tờ tiền Việt Nam loại 10.000đ mã số hiệu IU 18748169 được niêm phong trong phong bì số 746/KL-KTHS (số 02) là công cụ để các bị cáo sử dụng trái phép chất ma túy, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự cần tịch thu sung ngân sách nhà nước;

04 chiếc điện thoại di động thu của bị cáo Thân Thế N, Nguyễn Văn M, Bùi Văn T1, Đinh Khắc H, các bị cáo sử dụng liên lạc với nhau để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự cần tịch thu sung ngân sách nhà nước 04 chiếc điện thoại, tịch thu tiêu hủy 04 thẻ sim gắn với điện thoại;

06 chiếc điện thoại di động gắn kèm 06 thẻ sim điện thoại thu giữ của bị cáo Trần Tất D, Bùi Hồng T, Đinh Khắc H, Trần Thị L không liên quan đến việc phạm tội, cần trả lại cho các bị cáo;

02 đầu thu camera màu trắng, nhãn hiệu IMOU thu giữ của bị cáo Trần Tất D, không liên quan đến việc phạm tội, cần trả lại cho bị cáo D;

01 chiếc loa nhãn hiệu Samsung là công cụ phương tiện để các bị cáo tổ chức sử dụng ma túy, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước;

05 chiếc ly thủy tinh, 01 chiếc kéo bằng kim loại, 01 con dao bằng kim loại, 02 chén sứ, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự cần tịch thu, tiêu hủy.

Số tiền 13.130.000 đồng thu giữ của các bị cáo Thân Thế N, Nguyễn Văn M, Bùi Văn T1, Đinh Khắc Hà không liên quan đến việc phạm tội, cần trả lại cho các bị cáo.

[7] Liên quan trong vụ án còn có đối tượng bán ma túy cho Thân Thế N ở Hải Dương, đối tượng tên Tuấn cùng sử dụng ma túy, quá trình điều tra không xác định được lai lịch, địa chỉ nên không đề cập. Đối với Phạm Thị T, Lò Thị Q, Lò Thị Đ tham gia sử dụng ma túy trái phép, công an huyện Hải Hà đã xử phạt vi phạm hành chính theo đúng quy định của pháp luật, do đó Hội đồng xét xử không đề cập. Đối với Bé Văn Tư điều 02 nhân viên là chị Lò Thị Q và Lò Thị Đ theo yêu cầu của Nguyễn Văn M, nhưng không biết việc các bị cáo tổ chức cho 02

nhân viên để sử dụng ma túy, nên không có căn cứ để xử lý.

Về N vụ chịu án phí: Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo **Thần Thế N, Trần Tất Dậu, Nguyễn Văn M, Bùi Hồng T, Trần Thị L, Bùi Văn T1, Đinh Khắc H** phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”;

- **Áp dụng:** điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

+ **Xử phạt:** Bị cáo **Thần Thế N** 07 (bảy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/6/2023.

+ **Xử phạt:** Bị cáo **Nguyễn Văn M** 07 (bảy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/6/2023.

- **Áp dụng:** điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Trần Tất D** 07 (bảy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/6/2023.

- **Áp dụng:** điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo **Bùi Hồng T** 04 (bốn) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/6/2023.

- **Áp dụng:** điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 54; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo **Trần Thị L** 04 (bốn) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/6/2023.

- **Áp dụng:** điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo **Bùi Văn T1** 04 (bốn) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/6/2023.

- **Áp dụng:** khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Đinh Khắc H** 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/6/2023.

*** Về xử lý vật chứng:**

Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm a, c khoản 2, điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 0,06 gam Ketamine cùng vỏ bao gói hoàn lại sau giám định và 01 (một) đĩa sứ màu trắng đường kính 18cm được niêm phong số 746/KL-KTHS (số 01); 05 chiếc ly thủy tinh, 01 chiếc kéo bằng kim loại có phần tay cầm bằng nhựa màu đỏ, 01 con dao bằng kim loại có cán gỗ màu vàng, 02

chén bằng sứ;

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 tờ tiền Việt Nam loại 10.000 đồng mã số hiệu IU 18748169 được niêm phong số 746/KL-KTHS (số 02); 01 chiếc loa kéo nhãn hiệu Samsung;

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xám thu giữ của bị cáo Thân Thế N; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn M; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xanh thu giữ của bị cáo Bùi Văn T1; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng (bên trong gắn 01 sim có số thuê bao là 0969.437.708) thu giữ của bị cáo Đinh Khắc H; Tịch thu tiêu hủy 04 thẻ sim gắn với 04 chiếc điện thoại bị tịch thu sung ngân sách Nhà nước;

- Trả lại cho bị cáo Trần Tất D: 01 chiếc điện thoại Iphone màu vàng bên trong có gắn 01 sim có số thuê bao là 0981.577.567; 02 đầu thu camera màu trắng, nhãn hiệu IMOU; 01 thẻ nhựa màu hồng một mặt có chữ MB VISA được niêm phong số 746/KL-KTHS (số 01);

- Trả lại cho bị cáo Bùi Hồng T: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng, bên trong gắn 01 sim có số thuê bao là 0988.516.398; 01 chiếc điện thoại Iphone màu trắng, bên trong gắn 01 sim có số thuê bao 0359.237.399; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphoen màu xanh gắn 01 sim có số thuê bao là 0768.308.647;

- Trả lại cho bị cáo Trần Thị L 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen, bên trong gắn 01 sim có số thuê bao là 0385.235.147;

- Trả lại cho bị cáo Đinh Khắc Hà: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone màu vàng, bên trong gắn 01 sim có số thuê bao là 0966.561.386;

- Trả lại cho bị cáo Thân Thế N 7.080.000đ (bảy triệu không trăm tám mươi nghìn đồng); trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn M 1.460.000đ (một triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng); trả lại cho bị cáo Bùi Văn T1 2.340.000đ (hai triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng); trả lại cho bị cáo Đinh Khắc Hà 2.250.000đ (hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Toàn bộ số vật chứng trên hiện do Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải Hà quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 26/CCTHADS, ngày 18/9/2023.

*** Về N vụ chịu án phí sơ thẩm:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Thân Thế N, Trần Tất D, Nguyễn Văn M, Bùi Hồng T, Trần Thị L, Bùi Văn T1 và Đinh Khắc H, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

***Về quyền kháng cáo:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 331 và khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND huyện Hải Hà;
- Công an huyện Hải Hà;
- Cơ quan THAHS&HTTP CA Hải Hà;
- Chi cục THADS huyện Hải Hà;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- Các Bị cáo
- Lưu án văn + Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Minh Chiến